HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /2018/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 30 tháng 3 năm 2018*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN
ĐẾN Số: 1957
Ngày: 05.4.18
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quy chế số 93-QĐ/TW ngày 01 tháng 3 năm 2004 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định về nghi thức thăm bệnh, viếng cán bộ cao cấp từ trần;

Thực hiện Quy định số 32-QĐ/TW ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh cán bộ cao cấp;

Thực hiện Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh uỷ, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Quyết định số 424-QĐ/TU ngày 27/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về việc ban hành Quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận;

Xét Tờ trình số 575/TTr-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp bất thường thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (TH.09) Hảo 160

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 30/ 3 /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận; phúng viếng cán bộ từ trần đối với cán bộ lãnh đạo ở cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cán bộ hiện đang công tác và cán bộ đã về hưu có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bình Thuận:

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

b) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng đoàn và Phó Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh, nguyên Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh (và tương đương).

d) Tỉnh ủy viên; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; trưởng, phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Trưởng, phó các Ban HĐND tỉnh và tương đương; Trưởng, phó các cơ quan Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng tỉnh.

đ) Bí thư, Phó Bí thư huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh; Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945.

g) Cán bộ hoạt động từ ngày 01/01/1945 đến ngày tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

h) Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân.

i) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

k) Anh hùng Lao động, đảng viên có Huy hiệu 40 năm tuổi đảng trở lên.

l) Cán bộ được tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng nhất.

m) Sỹ quan quân đội, công an, biên phòng có quân hàm từ thiếu tướng trở lên.

n) Sỹ quan quân đội, công an, biên phòng có quân hàm đại tá, chuyên viên cao cấp và tương đương từ bậc 3 trở lên đối với nam, bậc 2 trở lên đối với nữ và có thời gian thoát ly tham gia cách mạng trước ngày 30/4/1975.

o) Ủy viên Ban Thường vụ các huyện, thị, thành ủy (và tương đương), Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nguyên Ủy viên Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố.

p) Cán bộ được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhì.

q) Các Nhà giáo Ưu tú, Nghệ sĩ Ưu tú, Thầy thuốc Ưu tú; cán bộ được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba.

r) Cán bộ có thời gian thoát ly tham gia cách mạng ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975.

s) Cán bộ, chiến sỹ tham gia kháng chiến ở chiến trường miền Nam (nếu tập kết ra miền Bắc thì phải về lại miền Nam công tác và chiến đấu trước ngày 30/4/1975).

2. Cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương; cán bộ lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Bí thư, Phó Bí thư tỉnh, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh, thành phố.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến chính sách, chế độ chi thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận.

4. Các đối tượng tại Quy định này nếu thuộc đối tượng được hưởng chế độ thăm bệnh, phúng viếng theo quy định của Trung ương Đảng thì thực hiện theo quy định của Trung ương Đảng.

Chương II
CHÍNH SÁCH THĂM BỆNH, HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH HIỂM NGHÈO, KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

Điều 3. Chính sách thăm bệnh

1. Mức chi:

Các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n thuộc khoản 1 Điều 2 Quy định này *(không bao gồm các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ*

Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh) khi ốm điều trị tại bệnh viện hoặc bệnh nặng nằm điều trị lâu ngày tại gia đình, thực hiện thăm bệnh tối đa 02 lần trong một năm, mức chi mỗi lần thăm bệnh 1.000.000 đồng.

2. Tổ chức đi thăm bệnh

Thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 424-QĐ/TU ngày 27/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoản 2, Điều 1).

3. Nguồn kinh phí thực hiện chi thăm bệnh

- Đối tượng do lãnh đạo tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đi thăm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy lập dự toán kinh phí hàng năm và thanh quyết toán theo quy định.

- Đối tượng do lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh thăm: Chi trong kinh phí thường xuyên của đơn vị.

- Đối tượng do Ban Thường vụ, Thường trực các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thăm: Chi theo phân cấp quản lý ngân sách địa phương, đơn vị.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo

1. Đối tượng

Các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n thuộc khoản 1 Điều 2 Quy định này bị bệnh hiểm nghèo (danh mục bệnh hiểm nghèo do Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền ở Trung ương hướng dẫn) cần phải phẫu thuật, can thiệp, sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn, điều trị đúng tuyến thì được xem xét hỗ trợ chi phí điều trị.

2. Mức hỗ trợ

- Đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 2: Thực hiện theo quy định hiện hành của của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Các đối tượng tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n khoản 1 Điều 2: Ngoài chi phí được Bảo hiểm Y tế thanh toán, được hỗ trợ 50% chi phí còn lại, nhưng tối đa không quá 04 lần và tổng mức hỗ trợ không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); nếu chi phí dưới 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) được hỗ trợ theo thực chi.

3. Hồ sơ, thủ tục xét hỗ trợ bệnh hiểm nghèo.

- Đơn đề nghị của bệnh nhân (hoặc vợ, chồng, con của bệnh nhân), có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương (đối với cán bộ đương chức), của đảng ủy xã, phường, thị trấn nơi thường trú (đối với cán bộ nghỉ hưu).

- Bản chính hoặc bản photocopy các hoá đơn, chứng từ của bệnh viện nơi điều trị, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan nơi công tác (đối với cán bộ đương chức) hoặc đảng ủy xã, phường, thị trấn nơi thường trú (đối với cán bộ nghỉ hưu).

- Văn bản đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương nơi cán bộ đang công tác hoặc thường trú (đối với cán bộ đã nghỉ hưu).

Hồ sơ gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định, trình Thường trực Tỉnh uỷ xét, hỗ trợ từng trường hợp cụ thể.

4. Nguồn kinh phí

Từ Ngân sách Đảng tỉnh cấp cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý hàng năm.

Điều 5. Khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng:

a) Đối tượng tại điểm a, b khoản 1 Điều 2:

Khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Trung ương.

b) Đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều 2:

Khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 1 lần tại các cơ sở y tế trong hoặc ngoài tỉnh.

c) Cán bộ đương chức tại các điểm d, đ, o khoản 1 Điều 2:

Khám sức khỏe định kỳ hai năm 1 lần tại các cơ sở y tế trong hoặc ngoài tỉnh theo hướng dẫn của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Mức chi

a) Cán bộ đương chức và nguyên chức tại điểm a, b khoản 1 Điều này: Mức chi thực hiện theo quy định của Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Trung ương.

b) Cán bộ đương chức tại điểm c khoản 1 Điều này: Được thanh toán theo thực chi, nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/người. Chứng từ thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Kinh phí

a) Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền của tỉnh tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng tại điểm a, b khoản 1 Điều này bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Đối với cán bộ nguyên chức, ngoài chi phí khám bệnh, được thanh toán chi phí lưu trú trong thời gian khám bệnh, gồm: Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí từ Ngân sách Đảng tỉnh cấp cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý hàng năm.

Đối với cán bộ đương chức, thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương tự tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ đương chức tại điểm c khoản 1 Điều này; kinh phí do Ngân sách nhà nước cân đối theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; hàng năm, cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán để được cấp phát và quyết toán theo quy định.

Chương III
CHẾ ĐỘ PHÚNG VIẾNG KHI CÁN BỘ TỪ TRẦN

Điều 6. Các trường hợp được lãnh đạo tỉnh đi phúng viếng hoặc ủy nhiệm lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, lãnh đạo Sở Nội vụ đi phúng viếng hoặc gửi điện chia buồn khi cán bộ đương chức hoặc nguyên chức từ trần

1. Đối tượng

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

b) Các đối tượng nêu tại điểm c (không phải là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy), e, l, m khoản 1 Điều 2 Quy định này.

c) Các đối tượng nêu tại điểm d (không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh), đ, g, h, p khoản 1 và các đối tượng tại khoản 2 Điều 2 Quy định này.

2. Mức chi phúng viếng

a) Đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này: Mức phúng viếng thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Trung ương.

b) Đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này: 2.000.000 đồng, kèm theo vòng hoa.

c) Đối tượng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này: 1.500.000 đồng, kèm theo vòng hoa.

3. Nguồn kinh phí

Ngân sách Đảng tỉnh cấp cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý hàng năm.

Điều 7. Các trường hợp được lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp tỉnh, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh đi viếng khi từ trần

1. Đối tượng

Các chức danh đang công tác hoặc đã nghỉ hưu nêu tại điểm i, k, n, q khoản 1 Điều 2 Quy định này thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Mức viếng: 1.000.000 đồng, kèm theo vòng hoa.

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên được giao hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Chương IV
CHÍNH SÁCH THAM QUAN, NGHỈ DƯỠNG

Điều 8. Tham quan, nghỉ dưỡng do Ban Tổ chức Trung ương Đảng mời

1. Đối tượng

Cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

2. Nguồn kinh phí

Kinh phí từng chuyến tham quan, nghỉ dưỡng do Ngân sách Đảng tỉnh cấp cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý hàng năm, gồm:

a) Vé máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh đến điểm tham quan (*và ngược lại);*

b) Chi phí tiền ăn, nước uống từ Phan Thiết đi thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại, thuê phòng nghỉ tại Phan Thiết cho những đồng chí ở xa.

c) Xăng xe ô tô đưa đón đoàn từ Phan Thiết đến thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại;

d) Chi phí giao dịch liên lạc phục vụ chung cho Đoàn: 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng)*/chuyến.

Điều 9. Tham quan, nghỉ dưỡng trong nước do tỉnh tổ chức

1. Đối tượng, thời gian tham quan, nghỉ dưỡng:

a) Cán bộ đã nghỉ hưu và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh:

- Cán bộ nêu tại điểm a, b, c, e, g khoản 1 Điều 2 Quy định này: Tham quan, nghỉ dưỡng mỗi năm một lần, thời gian tối đa 07 ngày/lần.

- Cán bộ có thời gian thoát ly tham gia cách mạng ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 gồm Tỉnh ủy viên; cấp trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; cấp trưởng các cơ quan Công an, Quân sự, Biên phòng tỉnh; Trưởng Ban chuyên trách HĐND tỉnh; Bí thư huyện, thị, thành ủy, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan tỉnh, Bí thư Đảng ủy khối doanh nghiệp và tương đương; Phó Bí thư thường trực Huyện ủy (và tương đương), Chủ tịch HĐND huyện, Chủ tịch UBND huyện; sĩ quan Quân đội, Công an, Biên phòng có quân hàm từ đại tá trở lên; chuyên viên cao cấp và tương đương từ bậc 3 trở lên đối với nam, từ bậc 2 trở lên đối với nữ: Tham quan, nghỉ dưỡng hai năm một lần, thời gian tối đa 07 ngày/lần.

b) Cán bộ đương chức nêu tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n khoản 1 Điều 2 Quy định này khi nghỉ hưu: Tham quan, nghỉ dưỡng khi nghỉ hưu, thời gian tối đa 08 ngày.

2. Nguồn kinh phí:

Kinh phí tham quan, nghỉ dưỡng do Ngân sách Đảng tỉnh cấp hàng năm cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý, gồm:

a) Chi trả trọn gói theo hợp đồng với đơn vị tổ chức tour.

b) Chi trả giao dịch liên lạc phục vụ chung cho đoàn: 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*)/chuyến.

c) Tiền mua thuốc chữa bệnh thông thường phục vụ chung cho đoàn.

d) Tiền thuê phòng nghỉ tại thành phố Phan Thiết *(nếu có)* trước khi đi cho cán bộ ở các huyện, thị xã hoặc ở xa cách địa điểm tập trung 15 km trở lên.

đ) Chi phí gặp mặt với đoàn do Thường trực Tỉnh ủy hoặc ủy nhiệm lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp (nếu có).

Điều 10. Tham quan miền Bắc

1. Đối tượng và điều kiện: Cán bộ, chiến sỹ nêu tại điểm s khoản 1 Điều 2 Quy định này đã nghỉ hưu hoặc đang hưởng các chế độ thương binh, bệnh binh, chế độ ưu đãi người có công cách mạng, hiện đang sinh sống, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh, từ năm 1989 đến nay chưa được đi tham quan miền Bắc do Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức *(không bao gồm đối tượng nêu tại Điều 9 Quy định này).*

2. Nguồn kinh phí

Kinh phí tham quan do Ngân sách Đảng tỉnh cấp cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý hàng năm, gồm:

a) Chi trả trọn gói theo hợp đồng với đơn vị tổ chức tour.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường phục vụ chung cho đoàn.

c) Tiền thuê phòng nghỉ tại thành phố Phan Thiết *(nếu có)* trước khi đi cho cán bộ ở các huyện, thị xã hoặc ở xa cách địa điểm tập trung từ 15 km trở lên.

b) Chi phí gặp mặt với đoàn do Thường trực Tỉnh ủy hoặc ủy nhiệm lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp (nếu tập trung đoàn tại Phan Thiết) hoặc chi phí xăng xe đưa đón đoàn tại huyện nếu không tập trung tại Phan Thiết (tùy theo tình hình cụ thể tổ chức tour).

c) Chi phí giao dịch liên lạc phục vụ chung cho đoàn: 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*/chuyến.

Kế hoạch tham quan miền Bắc hàng năm do Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt.

Chương V
QUÀ TẶNG NHÂN DỊP LỄ, TẾT NGUYÊN ĐÁN

Điều 11. Đối tượng

1. Các cán bộ hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Cán bộ nguyên chức thuộc các chức danh nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Quy định này.

b) Cán bộ nêu tại điểm e, g, i, k khoản 1 Điều 2 Quy định này.

2. Thân nhân chủ yếu của các cán bộ đã từ trần nêu tại điểm a, b, c, e khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Điều 12. Mức chi, nguồn kinh phí, phân công đi thăm

1. Mức chi.

Mức chi quà tặng cụ thể hàng năm do Thường trực Tỉnh ủy quyết định thông qua cuộc họp giao ban các Thường trực.

2. Nguồn kinh phí.

Kinh phí chi cho các đối tượng tại Điều 11 sử dụng từ nguồn ngân sách khối Đảng được Ngân sách nhà nước cân đối hàng năm.

3. Phân công đi thăm

Theo kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân tỉnh, được Thường trực Tỉnh ủy trao đổi thống nhất hàng năm.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 14. Trong cùng một chế độ, chính sách, cán bộ có nhiều chức danh, chức vụ, danh hiệu khác nhau thì thực hiện chế độ, chính sách cho chức danh, chức vụ, danh hiệu cao nhất./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng